

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/LĐ-ST

Ngày: 16/11/2018

V/v tranh chấp về tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tuyền (Cán bộ Thương binh xã hội xã Bình Chánh)

2. Ông Huỳnh Minh Chánh

Thư ký phiên tòa : ông Lê Ngọc Hải - cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh: Ông Võ Kim Cường
- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm và ngày 16/11/2018 tuyên án công khai vụ án lao động thụ lý số: 16/2018/TLST-LĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp về tiền lương" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2018/QĐXXST-LĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 359/2018/QĐST-LĐ ngày 01/11/2018, quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 38/2018/QĐST-DS ngày 14/11/2018 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 496/2018/QĐXXST-LĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T

Địa chỉ: 114/41 Phú Thọ Hòa, Phường P, quận Q, Thành phố D.

- Bị đơn: Công ty TNHH thương mại quốc tế U

Địa chỉ: 60-62 Đường 9A khu dân cư E, xã H, huyện C, Thành phố D.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đạt X, sinh năm: 1985, Địa chỉ: E4/1C đường A, khu phố 5, thị trấn R, huyện C, Thành phố D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 19/4/2018, các bản tự khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T (nguyên đơn) trình bày như sau:

Ông T phỏng vấn trúng tuyển vào vị trí Giám đốc bán hàng của Công ty TNHH Quốc tế U (Công ty U). Ông T bắt đầu làm việc vào ngày 01/6/2017 với loại hợp đồng không xác định thời hạn cùng mức lương Net là 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng) được thanh toán vào ngày 05 tây hàng tháng và được tham gia đầy đủ các loại hình bảo hiểm bắt buộc theo quy định của luật lao động (thể hiện đầy đủ trong hợp đồng lao động đã ký giữa các bên). Tuy nhiên, Công ty U hầu như không tuân thủ việc thanh toán đúng ngày giờ cho người lao động cũng như không đóng bảo hiểm lao động cho ông T. Ông T đã làm việc tới ngày nghỉ việc là 19/5/2018 nhưng Công ty U chỉ thanh toán lương tới tháng 11/2017. Từ tháng 12/2017 đến ngày 19/5/2018 Công ty U chưa thanh toán tiền lương cho ông T. Đồng thời, Công ty U chưa thanh toán tiền công tác phí, tiền lương tháng 13, chưa trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Ông T khởi kiện Công ty U với nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Yêu cầu Công ty TNHH thương mại quốc tế U trả Tiền lương cho ông T từ ngày 01/12/2018 đến tháng 5/2018 là: 225.185.000. Cụ thể như sau:

- Lương tháng 12/2017: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng)
- Lương tháng 01/2018: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng)
- Lương tháng 02/2018: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng)
- Lương tháng 03/2018: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng)\
- tiền lương tháng 4/2018: 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng);
- lương tháng 5/2018: 25.185.000 đ (hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng);

2. Yêu cầu Công ty TNHH thương mại quốc tế U trả cho ông T Công tác phí: từ 18/6/2017 đến 30/8/2017: 14.237.800đ (mười bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng);

3. Yêu cầu Công ty TNHH thương mại quốc tế U trả cho ông T Lương tháng 13 theo hợp đồng lao động đã kí ngày 01/6/2017: 23.333.000đ (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) (được tính theo tỉ lệ lương với thời gian làm việc trong năm 2017: $40.000.000/12 \text{ tháng} * 07 \text{ tháng làm việc}$);

4. Yêu cầu Công ty TNHH thương mại quốc tế U trả cho ông T tiền bảo hiểm xã hội (từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018): 124.000.000 đ (một trăm hai mươi bốn triệu đồng);

5. Yêu cầu Công ty TNHH thương mại quốc tế U trả cho ông T tiền bảo hiểm y tế (từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018): 21.600.000 đ (hai mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng);

6. Yêu cầu Công ty TNHH thương mại quốc tế U trả cho ông T tiền bảo hiểm thất nghiệp (từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018): 9.600.000 đ (chín triệu sáu trăm đồng)

Tổng cộng: **417.955.800** đồng

Ông Nguyễn Đạt X – người đại diện hợp pháp của Công ty U (bị đơn) trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa như sau: Công ty U và ông Nguyễn Văn T có ký kết hợp đồng lao động và hợp đồng thử việc với mức lương chính trong hợp đồng là 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng)/tháng. Tuy nhiên, hợp đồng lao động ký giữa hai bên chỉ là giả tạo. Bởi lẽ sau khi Công ty U nhận ông Nguyễn Văn T vào làm việc, ông T đã nhờ Công ty ký hợp đồng lao động để ông T sử dụng hợp đồng lao động để bổ túc hồ sơ thế chấp ở Ngân hàng. Thực chất, Công ty U và ông T thỏa thuận với nhau về việc Công ty U thuê ông T làm việc theo phương thức trả lương theo số sự kiện mà ông T tổ chức cho Công ty. Ông T đã làm việc cho Công ty U đến tháng 11/2018, Công ty đã trả lương cho ông T đầy đủ đến tháng 11/2017. Vì thỏa thuận giữa Công ty U và ông T theo phương thức trả lương theo công việc được thực hiện nên Công ty không thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho ông T. Do đó, Công ty U không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với Công ty U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện Công ty U tranh chấp về tiền lương, phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo hợp đồng lao động số...2017/HĐLĐ/U-VP ký giữa ông Nguyễn Văn T và công ty U (do ông T và Công ty U cùng giao nộp trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án) thì ông T và Công ty U ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời gian và công việc hợp đồng:

Loại hợp đồng lao động (3): không thời hạn

Từ ngày: 01/6/2017

Thời gian thử việc: 01 tháng từ ngày 01/6/2017 đến ngày 30/6/2017

Địa điểm làm việc: 60-62 Đường 9A, Khu X, Phường Y, huyện C, Thành phố D.

Chức danh chuyên môn: GT Manager

Chức vụ và công việc phải làm: Công việc và trách nhiệm gắn liền với chức danh chuyên môn được giao theo Quyết định phân công của công ty.

Điều 2: Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày, 44 giờ/tuần

Thứ 2 đến thứ 6: 8h00 đến 17h00, nghỉ trưa từ 12h đến 13h00

Thứ 7: 8h đến 12h00

(Thời gian làm việc có thay đổi theo tình hình công ty)

Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: theo yêu cầu của công việc và quy định của Công ty.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động:

1. Quyền lợi:

Phương tiện đi lại, làm việc: Tự túc

Mức lương: 40.000.000 VNĐ/tháng. Trong đó bao gồm: lương cơ bản: 40.000.000 VNĐ/tháng

Thời gian thử việc: 01 tháng

Hình thức trả lương: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Ngoài ra, người lao động được thanh toán các khoản vé tàu, xe, công tác phí trong trường hợp phải đi công tác theo điều động của Công ty căn cứ theo hóa đơn, chứng từ thực tế theo quy chế công tác của công ty.

Được trả lương vào ngày 05 hàng tháng

Tiền thưởng: Lương tháng 13 được trả chung với lương tháng Hai của năm kế tiếp.

Chế độ bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN): theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Công ty U trình bày: Hợp đồng lao động mà ông T và Công ty U đã giao nộp trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án là giả tạo. Ngoài lời trình bày nêu trên ra, Công ty U không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về sự giả tạo của hợp đồng lao động này. Đồng thời vào ngày 06/8/2018 Tòa án tiến hành giao Thông báo về việc giao nộp chứng cứ ngày 06/8/2018 (bút lục 53,54 trong hồ sơ) cho ông T và người đại diện hợp pháp của Công ty U với nội dung: "... yêu cầu các đương sự nêu trên cung cấp các thông tin, chứng cứ, tài liệu sau đây:

1. Nguyên đơn phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp;

2. Bị đơn phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

3. Bị đơn cung cấp Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH thương mại quốc tế U;

4. Bị đơn có yêu cầu phản tố thực hiện việc lập và nộp đơn yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

5. Trong trường hợp đương sự có yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; đương sự có yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác, triệu tập người làm chứng và người tham gia tố tụng khác vào tham gia tố tụng trong vụ án thì đương sự lập và nộp đơn yêu cầu gửi cho Tòa án (nêu chi tiết yêu cầu);

Người có nghĩa vụ giao nộp chứng cứ thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến kèm theo tài liệu, chứng cứ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày người có nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nhận được thông báo giao nộp chứng cứ này.

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật".

Tuy nhiên, hết thời hạn theo thông báo về việc giao nộp chứng cứ nêu trên mà Công ty U không thực hiện việc giao nộp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử lấy hợp đồng lao động số:..2017/HĐLĐ/U-VP ký giữa ông T và công ty U (do ông T và Công ty U cùng giao nộp trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án) làm cơ sở để giải quyết.

[4] Theo lời trình bày của ông T liên quan đến việc thực hiện hợp đồng lao động được xác lập giữa hai bên: Ông T làm việc tại Công ty U từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018. Tuy nhiên Công ty U chỉ trả lương cho ông T đến hết tháng 11/2017. Từ tháng 12/2017 đến ngày 19/5/2018 Công ty U không trả lương cho ông T. Ngày 04/4/2018 ông T lập đơn xin nghỉ việc với nội dung ông T gửi Ban Giám đốc Công ty U và Phòng hành chính nhân sự Công ty U xin được nghỉ việc từ ngày 19/5/2018, lý do: bận việc gia đình.

[5] Người đại diện hợp pháp của Công ty U trình bày tại phiên tòa: Ông T chỉ làm việc tại Công ty U đến tháng 11/2017 thì nghỉ việc. Tuy nhiên, do sơ suất Công ty không ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T.

[6] Theo Điều 1 của Hợp đồng lao động thì Hợp đồng lao động ký giữa Công ty U và ông T là hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Điểm a khoản 1 Điều 22 của Bộ luật lao động quy định: *“Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt của hợp đồng lao động”*. Hợp đồng lao động giữa hai bên phát sinh hiệu lực từ ngày 01/6/2017. Điều này có nghĩa rằng: quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động sẽ phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi hợp đồng chấm dứt theo quy định của pháp luật. Từ tháng 12/2017 đến ngày 19/5/2018 (ngày ông T chấm dứt hợp đồng lao động theo Đơn xin nghỉ việc của ông T lập ngày 04/4/2018), Công ty U không ban hành bất kỳ một văn bản, thông báo với nội dung chấm dứt hợp đồng lao động đã xác lập giữa ông T và Công ty U. Ông T lập đơn xin nghỉ việc ngày 04/4/2018 và nghỉ việc vào ngày 19/5/2018 là đã thực hiện đúng thời gian báo trước 45 ngày theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Bộ luật lao động năm 2012. Do đó, quyền và nghĩa vụ giữa Công ty U và ông T sẽ phát sinh đến ngày 19/5/2018 theo những thỏa thuận mà hai bên đã ký kết.

[7] Công ty U phải thực hiện việc trả lương cho ông T trong khoản thời gian từ tháng 12/2017 đến ngày 19/5/2018 như sau: Theo hợp đồng lao động được ký kết giữa hai bên thì mức lương cơ bản mà Công ty U phải trả cho ông T là: 40.000.000 đ/tháng. Do đó từ tháng 12/2017 đến ngày 18/5/2018 (5 tháng 19 ngày) Công ty U phải trả lương cho ông T số tiền là: $(5 \times 40.000.000) + (40.000.000 \times 19/30) = 225.333.333$ đ (hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

[8] Trong năm 2017 ông T làm việc tại Công ty U từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 là 7 tháng. Thỏa thuận tại dòng 5 Trang 2 của trong hợp đồng lao động quy định: *“Tiền thưởng: Lương tháng 13 được trả chung với lương tháng Hai của năm kế tiếp”*. Do đó, ông Công ty U phải trả lương tháng 13 với số tiền là : $40.000.000 \times 7/12 = 23.333.333$ đ (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Công ty U chưa trả tiền lương tháng 13 cho ông T nên Công ty có trách nhiệm trả lương tháng 13 cho ông T với số tiền như đã nhận định ở trên là 23.333.333 đ (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

[9] Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Công ty U trả tiền công tác phí từ ngày 18/6/2017 đến ngày 30/8/2017 là : 14.237.800đ (mười bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng). Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về số tiền công tác phí phát sinh như yêu cầu khởi kiện của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông T.

[10] Theo nội dung hợp đồng lao động mà Công ty U và ông T đã ký thì loại hợp đồng lao động mà hai bên ký kết là hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Căn cứ theo quy định tại Điều 2 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 thì Công ty U và ông T thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Căn cứ vào Điều 2, Điều 21 và Điều 86 và Điều 89 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 thì hàng tháng Công ty U phải đóng đóng bảo hiểm xã hội cho ông T với tỷ lệ là 18% trên mức lương và phụ cấp lương. Ông T làm việc tại Công ty U từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018 là 11 tháng 19 ngày. Công ty U chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông T. Do đó, Công ty U phải nộp vào Bảo hiểm xã hội huyện Bình Chánh

số tiền: $(18\% \times 40.000.000 \times 11) + (18\% \times 40.000.000 \times 19/30) = 83.760.000\text{đ}$ (tám mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) để đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn T từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[11] Điều 44 của Luật việc làm năm 2013 quy định:

1. Người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tại tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực.

Điều 57 của Luật việc làm năm 2013 quy định

1. Mức đóng và trách nhiệm đóng bảo hiểm thất nghiệp được quy định như sau:

a) Người lao động đóng bằng 1% tiền lương tháng;

b) Người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp;

Do đó, Công ty U phải đóng vào Bảo hiểm xã hội huyện Bình Chánh số tiền bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Văn T từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018 (11 tháng 19 ngày) với số tiền là: $(1\% \times 40.000.000 \times 11) + (1\% \times 40.000.000 \times 19/30) = 4.653.333$ đồng.

[12] Căn cứ theo quy định tại Điều 12, Điều 13 của Luật bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người sử dụng lao động hàng tháng phải đóng bảo hiểm y tế cho người lao động bằng 4% tiền lương tháng đối với người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Công ty U chưa đóng bảo hiểm y tế cho ông T trong thời gian ông T làm việc từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018 (11 tháng 19 ngày) nên Công ty U phải nộp vào Bảo hiểm xã hội huyện Bình Chánh số tiền bảo hiểm y tế cho ông T từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018 với số tiền là: $(4\% \times 40.000.000 \times 11) + (4\% \times 40.000.000 \times 19/30) = 18.613.000$ đồng

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tổng cộng yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty U được Hội đồng xét xử chấp nhận là 355.692.999 đồng. Do đó, Công ty U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $3\% \times 355.692.999 = 10.670.789$. đ (mười triệu sáu trăm bảy mươi ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 37 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 2, Điều 21, Điều 88, Điều 89 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 44, Điều 57 của Luật việc làm năm 2013;

Căn cứ Điều 12, Điều 13 của Luật bảo hiểm y tế năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty TNHH thương mại quốc tế U:

1.1. Công ty TNHH thương mại quốc tế U có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T 248.666.666 đồng bao gồm các khoản sau đây: tiền lương từ tháng 12/2017 đến ngày 19/5/2018 là 225.333.333 đ (hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); tiền lương tháng 13 của năm 2017 là 23.333.333 đ (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Công ty TNHH thương mại quốc tế U và ông Nguyễn Văn T thực hiện việc giao và nhận tiền theo phương thức thực hiện 1 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

1.2. Công ty TNHH thương mại quốc tế U có trách nhiệm nộp vào Bảo hiểm xã hội huyện Bình Chánh số tiền bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn T từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018 là 83.760.000 đ (tám mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.3. Công ty TNHH thương mại quốc tế U có trách nhiệm đóng vào Bảo hiểm xã hội huyện Bình Chánh số tiền bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Văn T từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018 là 4.653.333 đ (bốn triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

1.4. Công ty TNHH thương mại quốc tế U có trách nhiệm đóng vào Bảo hiểm xã hội huyện Bình Chánh số tiền bảo hiểm y tế cho ông Nguyễn Văn T từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018 là 18.613.000 đ (mười tám triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng).

Công ty TNHH thương mại quốc tế U phải thực hiện việc nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như đã nêu ở trên cho ông Nguyễn Văn T ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.5. Ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Bảo hiểm xã hội huyện Bình Chánh để đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế trong thời gian từ ngày 01/6/2017 đến ngày 19/5/2018 với mức lương làm cơ sở đóng là 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng)/tháng theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Công ty TNHH thương mại quốc tế U phải chịu 10.670.789. đ (mười triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND huyện BC
- THADS huyện BC
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Hồ Thị Thanh Loan